TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **12**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 5 năm 2019
"*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lam.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Thanh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyên Krông Năng *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Đăng Khoa, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 321/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

+ ***Nguyên đơn***: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981. *(Có mặt).*
Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
Nơi ở hiện tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ ***Bị đơn:*** Ông Trần Bá C, sinh năm 1969. *(Có mặt).*
Địa chỉ: Thôn T, xã E huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 14/11/2018 trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Bá C chung sống với nhau từ năm 1997, nhưng đến ngày 26/4/2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hợp, ông Trần Bá C không quan tâm, chăm sóc gia đình và thường xuyên đánh đập bà Nguyễn Thị H, mâu thuẫn

hơn là vào năm 2018 cháu Trần Thị Thanh T tố cáo ông Trần Bá C hiếp dâm cháu, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Bá C đã sống ly thân với nhau từ tháng 05/2018 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà Nguyễn Thị H xin ly hôn với ông Trần Bá C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Nguyễn Thị H với ông Trần Bá C có 03 con chung gồm: Cháu Trần Bảo Đ, sinh 13/7/1998; Trần Bảo S, sinh 24/4/2001 và cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 17/7/2003. Nguyện vọng của bà Nguyễn Thị H khi ly hôn xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thanh T đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Đối với cháu Trần Bảo Đ, sinh ngày 13/7/1998 và cháu Trần Bảo S, sinh ngày 24/4/2001 đã đủ tuổi trưởng thành, nên các cháu ở với ai là quyền của các cháu.

Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Trần Bá C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với cháu T là 5.000.000 đồng đến 6.000.000/tháng/đóng góp một lần.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thi H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 21/12/2018, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn ông Trần Bá C trình bày:*

Ông C và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau từ năm 1997, đến ngày 26/4/2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế sa sút, tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, con trai Trần Bảo S và bà H vu khống cho ông C hiếp dâm cháu Trần Thị Thanh T dẫn tới gia đình tan vỡ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên ông Trần Bá C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa ông C với bà H có 03 con chung như bà H trình bày. Khi bà H, ông C ly hôn các cháu ở với ai là quyền của các cháu.

Về cấp dưỡng: Ông Trần Bá C chỉ chấp nhận đóng góp tiền nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 17/7/2003 đến tuổi trưởng thành cho bà Nguyễn Thị H với mức là 1.000.000 đồng/tháng và đóng góp hàng tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phần tranh luận tại phiên tòa, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về Tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, xử:

Quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H ly hôn với ông Trần Bá C.

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 17/7/2003 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Trần Bá C, hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 17/7/2003 cho bà Nguyễn Thị H là 1.390.000 đồng *(Một triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng chẵn).*

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung, đây là vụ kiện *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

Bị đơn là ông Trần Bá C có nơi cư trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào trích lục kết hôn số 123, ngày 14/11/2018 của Ủy ban nhân dân xã Ea Tóh, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk thì có cơ sở xác định, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H với ông Trần Bá C có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Ea Tóh, huyện Krông Năng vào ngày 26 tháng 4 năm 2017, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống do tính tình của vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, lối sống cũng như trong công việc, dẫn đến các bên phát sinh mâu thuẫn va chạm, mất lòng tin, nghi kỵ lẫn nhau. Bản thân các bên đều thừa nhận tình cảm vợ chồng đến nay đã hết, không còn khả năng đoàn tụ. Qua xác minh tại địa phương bà Nguyễn Thị H và ông Trần Bá C sinh sống thể hiện: Mâu thuẫn của bà Nguyễn Thị H và ông Trần Bá C là do tính tình hai vợ chồng không hợp, địa phương có tổ chức hòa giải để bà Nguyễn Th H và ông Trần Bá C đoàn tụ nhưng không đạt kết quả và các bên đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2018 đến nay. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Bá C đã quá trầm trọng, không thể đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được bà Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn và ông Trần Bá C cũng đồng ý. Xét thấy, việc

thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Bá C là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 55, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, bà Nguyễn Thị H và ông Trần Bá C đều xác nhận có 03 con chung gồm: Cháu Trần Bảo Đ, sinh ngày 13/7/1998; cháu Trần Bảo S, sinh ngày 24/4/2001 và cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 17/7/2003. Nguyện vọng của bà Nguyễn Thị H xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thanh T đến tuổi trưởng thành, ông Trần Bá C cũng xác định con chung ở với ai là quyền của các con. Tuy nhiên, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng, chăm sóc cần phải xem xét về mọi mặt, cũng như quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, từ trước đến nay cháu Trần Thị Thanh T đang do bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, hơn nữa cháu Trần Thị Thanh T là con gái đang ở giai đoạn trưởng thành, lại có nguyện vọng được ở với bà Nguyễn Thị H, nên cần giao cho bà Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Thị Thanh T đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Đối với các cháu Trần Bảo Đ, sinh ngày 13/7/1998; cháu Trần Bảo S, sinh ngày 24/4/2001, tính đến ngày xét xử các cháu Đ, S đã trên 18 tuổi, nên các cháu ở với ai là quyền của các cháu. Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng đối với các cháu Trần Bảo Đ và cháu Trần Bảo S.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Trần Bá C phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Thị Thanh T với mức là 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng và phải cấp dưỡng một lần, nhưng ông Trần Bá C cho rằng: Ông C không có thu nhập thường xuyên, không có tài sản, nên chỉ chấp nhận cấp dưỡng hàng tháng với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 17/7/2003, chưa đủ 18 tuổi hiện đang còn đi học, theo quy định của pháp luật, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do đó yêu cầu của bà Nguyễn Thị H là phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, việc bà H yêu cầu ông Châu phải đóng góp tiền nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thanh T, với mức là 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng và đóng góp một lần là cao, không thỏa đáng, không phù hợp với khả năng thực tế của ông C, cũng như quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc hằng tháng ông Trần Bá C phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 17/7/2003 đến tuổi trưởng thành cho bà Nguyễn Thị H với mức 1.200.000 đồng/tháng là phù hợp.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để xem xét.

[3] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị H, ông Trần Bá C phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;

Điều 147; khoản 1 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 55; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Bá C.

- *Về con chung*: Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 17/7/2003 cho đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Hằng tháng ông Trần Bá C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Thị Thanh T cho bà Nguyễn Thị H, mỗi tháng là 1.200.000 đồng, *(Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn)* cho đến khi cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 17/7/2003 đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

Ông Trần Bá C có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con, thì làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai thu số AA/2017/0010329 ngày 27 tháng 11 năm 2018.

Ông Trần Bá C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Báo quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Năng;*
- *UBND xã Ea Tóh;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Mạnh Tuân